| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B - TP. HÀ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 22/03/2018.
V/v "*Ly hôn*"

**NHÂN DANH**
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Thưởng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Công Ngư**.

2. Ông **Nguyễn Văn Bống**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông **Lê Văn Anh**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 03 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 527/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giang Thị N, sinh năm 1995;

HKTT: Thôn Yên Thành, xã T, huyện B, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Muỗi, xã Y, huyện B, thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn Yên Thành, xã T, huyện B, thành phố H.

*( Chị N, anh C đều có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn ly hôn, bản tự khai ngày 26/12/2017 chị Giang Thị N khai như sau: Chị N và anh Nguyễn Văn C tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã T, huyện B, thành phố H ngày 06/06/2014. Sau khi kết hôn chị N và anh C về chung sống với nhau ngay tại xã T, huyện B, thành phố H. Đến ngày 20 tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến hay cãi nhau. Do vợ chồng sống không có tình cảm với nhau. Đến 20/08/2017 thì chị N bị bố mẹ chồng đuổi ra khỏi nhà và chị N về sống cùng với bố mẹ đẻ từ đó. Từ khi chị N bị đuổi ra khỏi nhà thì vợ chồng cũng ly thân từ đó, khi ly thân thì mỗi người sống một nơi và không ai quan tâm đến ai và cắt đứt mọi quan hệ. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

* Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thế T, sinh ngày 06/01/2015. Hiện nay con chung đang ở với anh C. Nên chị N đồng ý giao con chung là cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị N không có công ăn việc làm, bản thân phải sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Nên chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 12 năm 2017 anh Nguyễn Văn C trình bày như sau: Anh C xác nhận thời gian chung sống và kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì anh C và chị N về ở với nhau ngay tại xã Tản L, huyện B đến ngày 19 tháng 8 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu nên mẹ anh C đã đuổi chị N ra khỏi nhà, chị N đã bỏ nhà đi luôn. Anh C và chị N đã ly thân từ đó cho đến nay mỗi người sống một nơi và cắt đứt mọi quan hệ. Hiện nay anh C xác định tình cảm vợ chồng với chị N vẫn còn nên chị N yêu cầu ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn. Anh C muốn chị N quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

* Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thế T, sinh ngày 06/01/2015. Hiện nay con chung đang ở với anh C. Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T. Anh C yêu cầu chị N cấp dưỡng theo quy định của pháp luật hiện nay về cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản riêng, công sức: Chị N và anh C cùng khai không có.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh C cùng khai không có.

Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành mở phiên hòa giải đoàn tụ cho chị

Giang Thị N và anh Nguyễn Văn C nhưng không thành, anh C tham gia phiên hòa giải nhưng không đồng ý ly hôn vì anh C muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Tại phiên toà hôm nay, Về hôn nhân: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với anh C, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được đoàn tụ đối với chị N.

Về con chung: Chị N và anh C đều thỏa thuận giao cho anh C trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thế T, sinh ngày 06/01/2015 cho đến khi con chung tròn, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C thay đổi không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C nuôi cháu Nguyễn Thế T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Có quan điểm về trình tự giải quyết thu thập chứng cứ như sau: Vụ án đ□ợc TAND huyện B tuân thủ đúng và đầy đủ theo đúng trình tự tố tụng dân sự, từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý, lấy lời khai và ra quyết định xét xử, tống đạt các văn bản tố tụng đều hợp lệ và đều đảm bảo đúng quy trình tố tụng quy định không vi phạm gì.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Giang Thị N và anh Nguyễn Văn C là hôn nhân hợp pháp, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, thành phố H ngày 06/06/2014. Sau khi kết hôn chị N và anh C về chung sống với nhau ngay tại xã T, huyện B, thành phố H. Đến ngày 20 tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng chủ yếu bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa chị N và mẹ chồng dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng, chị N đã bỏ nhà anh C về nhà bố, mẹ đẻ ở từ ngày 20/08/2017. Vợ, chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng từ đó đến nay hai bên không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ, chồng về đoàn tụ. Do vậy Hội đồng xét xử, xét thấy có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh C để giải phóng cho chị N là có căn cứ pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh C đều thừa nhận có 01 con chung là Nguyễn Thế T, sinh ngày 06/01/2015. Từ khi chị N bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở đến nay cháu Th vẫn ở với anh C. Mặc dù cháu T hiện nay dưới 36 tháng tuổi xong do điều kiện hiện nay của chị N không có công ăn việc làm và thu nhập phải sống phụ thuộc bố, mẹ đẻ, không có khả năng nuôi con. Do vậy chị N có quan điểm giao cháu T cho anh C trực tiếp, tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Hội đồng xét xử, xét thấy anh C

yêu cầu được nuôi con chung, chị N đề nghị giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận, giao cho anh Nguyễn Văn C được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thế T, sinh ngày 06/01/2015 đến khi tròn đủ 18 tuổi là phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay anh C không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Thế T. Do vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N cho đến khi anh C có yêu cầu hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Chị Giang Thị N và anh Nguyễn Văn C đều thừa nhận không có.

Chị Giang Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56, 57, 58, khoản 3, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Giang Thị N đối với anh Nguyễn Văn C.

2/ Cho chị Giang Thị N đ□ợc ly hôn anh Nguyễn Văn C.

3/Con chung: Có 01 con chung, giao cho anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thế T, sinh ngày 06/01/2015 cho đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Giang Thị N cho đến khi anh Nguyễn Văn C có yêu cầu.

Chị Giang Thị N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4/Tài sản riêng, chung, công sức: Không có.

5/ Công nợ chung: Không có.

6/ Án phí: Chị Giang Thị N phải chịu 300.000$^{đ}$*(Ba trăm ngàn đồng)*án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: 0008217 ngày 22/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, thành phố H vào khoản án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp.

Chị Giang Thị N và anh Nguyễn Văn C, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
*- TANDTP H;*
*- VKS huyện B;*
*- THA huyện B;*
*- Các đương sự.*
*- Lưu hồ sơ*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Thưởng**

***Nơi nhận:***

- *TANDTPHà Nội*

*- VKS huyện Ba Vì*

*- THA Ba Vì*

*- Các đương sự.*
*- Lưu hồ sơ*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Thưởng**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**